

**TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ**

**PL 02 - DANH SÁCH SINH VIÊN CHƯA NỘP HỌC PHÍ THEO KỲ HỌC KỲ II NĂM HỌC 2018-2019  
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CLC ĐÁP ỨNG TT 23/2014/TT-BGDĐT**

(Kèm theo thông báo số 431 /TB-ĐHKT ngày 21/ 02 /2019)

| STT | Mã sinh viên | Họ tên                 | Ngày sinh  | Lớp                          | Học phí    | Miễn / giảm | Học phí phải nộp | Nộp tại BIDV | Học phí còn nợ |
|-----|--------------|------------------------|------------|------------------------------|------------|-------------|------------------|--------------|----------------|
| 1   | 16050744     | Lê Xuân Hiền           | 04/30/1998 | QH-2016-E KTQT-CLC (TT 23)   | 17,500,000 | -           | 17,500,000       | -            | 17,500,000     |
| 2   | 16050776     | Nguyễn Sơn Long        | 05/28/1998 | QH-2016-E KTQT-CLC (TT 23)   | 17,500,000 | -           | 17,500,000       | -            | 17,500,000     |
| 3   | 16050780     | Trần Thị Hà My         | 04/07/1998 | QH-2016-E KTQT-CLC (TT 23)   | 17,500,000 | -           | 17,500,000       | -            | 17,500,000     |
| 4   | 16050794     | Trịnh Phong            | 09/29/1998 | QH-2016-E KTQT-CLC (TT 23)   | 17,500,000 | -           | 17,500,000       | -            | 17,500,000     |
| 5   | 16050801     | Chu Minh Quang         | 10/16/1998 | QH-2016-E KTQT-CLC (TT 23)   | 17,500,000 | -           | 17,500,000       | -            | 17,500,000     |
| 6   | 16050815     | Lê Hoa Thiên Thảo      | 11/19/1998 | QH-2016-E KTQT-CLC (TT 23)   | 17,500,000 | -           | 17,500,000       | -            | 17,500,000     |
| 7   | 16052361     | Nguyễn Thị Hồng Ngọc   | 02/06/1998 | QH-2016-E KTQT-CLC (TT 23)   | 17,500,000 | -           | 17,500,000       | -            | 17,500,000     |
| 8   | 16052371     | Nguyễn Anh Trung       | 01/31/1998 | QH-2016-E KTQT-CLC (TT 23)   | 17,500,000 | -           | 17,500,000       | -            | 17,500,000     |
| 9   | 16052374     | Nguyễn Hoàng Tùng      | 05/26/1998 | QH-2016-E KTQT-CLC (TT 23)   | 17,500,000 | -           | 17,500,000       | -            | 17,500,000     |
| 10  | 16051011     | Nguyễn Đức Anh         | 05/28/1998 | QH-2016-E QTKD-CLC (TT 23)   | 17,500,000 | 4,050,000   | 13,450,000       | -            | 13,450,000     |
| 11  | 16051028     | Nguyễn Hữu Dũng        | 04/11/1998 | QH-2016-E QTKD-CLC (TT 23)   | 17,500,000 | -           | 17,500,000       | -            | 17,500,000     |
| 12  | 16051146     | Phạm Thị Cẩm Tú        | 05/13/1998 | QH-2016-E QTKD-CLC (TT 23)   | 17,500,000 | -           | 17,500,000       | -            | 17,500,000     |
| 13  | 16052335     | Nguyễn Thị Thanh Hương | 05/14/1998 | QH-2016-E QTKD-CLC (TT 23)   | 17,500,000 | -           | 17,500,000       | -            | 17,500,000     |
| 14  | 17050573     | Hoàng Thái Dương       | 11/12/1999 | QH-2017-E KTQT-CLC 1 (TT 23) | 17,500,000 | -           | 17,500,000       | -            | 17,500,000     |
| 15  | 17050623     | Đặng Xuân Nam          | 08/17/1999 | QH-2017-E KTQT-CLC 1 (TT 23) | 17,500,000 | -           | 17,500,000       | -            | 17,500,000     |
| 16  | 17050642     | Nguyễn Thị Tâm         | 07/22/1999 | QH-2017-E KTQT-CLC 1 (TT 23) | 17,500,000 | -           | 17,500,000       | -            | 17,500,000     |
| 17  | 17050643     | Đặng Xuân Thanh        | 12/09/1999 | QH-2017-E KTQT-CLC 1 (TT 23) | 17,500,000 | -           | 17,500,000       | -            | 17,500,000     |
| 18  | 17050556     | Nguyễn Tuấn Anh        | 04/14/1999 | QH-2017-E KTQT-CLC 2 (TT 23) | 17,500,000 | -           | 17,500,000       | -            | 17,500,000     |
| 19  | 17050563     | Vũ Thị Ánh             | 02/15/1999 | QH-2017-E KTQT-CLC 2 (TT 23) | 17,500,000 | -           | 17,500,000       | -            | 17,500,000     |
| 20  | 17050584     | Vũ Thị Thu Hằng        | 08/01/1999 | QH-2017-E KTQT-CLC 2 (TT 23) | 17,500,000 | -           | 17,500,000       | -            | 17,500,000     |
| 21  | 17050611     | Nguyễn Lê Diệu Linh    | 05/19/1999 | QH-2017-E KTQT-CLC 2 (TT 23) | 17,500,000 | -           | 17,500,000       | -            | 17,500,000     |
| 22  | 17050631     | Bùi Thị Ngọc           | 04/05/1999 | QH-2017-E KTQT-CLC 2 (TT 23) | 17,500,000 | -           | 17,500,000       | -            | 17,500,000     |
| 23  | 17050644     | Hà Minh Thảo           | 02/26/1999 | QH-2017-E KTQT-CLC 2 (TT 23) | 17,500,000 | -           | 17,500,000       | -            | 17,500,000     |
| 24  | 17050646     | Trần Thị Thanh Thúy    | 11/22/1999 | QH-2017-E KTQT-CLC 2 (TT 23) | 17,500,000 | -           | 17,500,000       | -            | 17,500,000     |
| 25  | 17050674     | Nguyễn Hải Hiệp        | 07/21/1999 | QH-2017-E QTKD-CLC (TT 23)   | 17,500,000 | -           | 17,500,000       | -            | 17,500,000     |
| 26  | 17050679     | Nguyễn Đức Hùng        | 02/02/1999 | QH-2017-E QTKD-CLC (TT 23)   | 17,500,000 | -           | 17,500,000       | -            | 17,500,000     |
| 27  | 17050689     | Nguyễn Quốc Khánh      | 08/30/1999 | QH-2017-E QTKD-CLC (TT 23)   | 17,500,000 | -           | 17,500,000       | -            | 17,500,000     |
| 28  | 17050691     | Nguyễn Sơn Lâm         | 09/25/1999 | QH-2017-E QTKD-CLC (TT 23)   | 17,500,000 | -           | 17,500,000       | -            | 17,500,000     |
| 29  | 17050700     | Phạm Công Minh         | 12/07/1999 | QH-2017-E QTKD-CLC (TT 23)   | 17,500,000 | -           | 17,500,000       | -            | 17,500,000     |
| 30  | 17050701     | Đình Quang Minh        | 11/23/1999 | QH-2017-E QTKD-CLC (TT 23)   | 17,500,000 | -           | 17,500,000       | -            | 17,500,000     |
| 31  | 17050709     | Phạm Hà Phương         | 01/20/1999 | QH-2017-E QTKD-CLC (TT 23)   | 17,500,000 | -           | 17,500,000       | -            | 17,500,000     |
| 32  | 17050718     | Nguyễn Thị Thanh Tâm   | 02/03/1999 | QH-2017-E QTKD-CLC (TT 23)   | 17,500,000 | -           | 17,500,000       | -            | 17,500,000     |

| STT | Mã sinh viên | Họ tên                  | Ngày sinh  | Lớp                             | Học phí    | Miễn / giảm | Học phí phải nộp | Nộp tại BIDV | Học phí còn nợ |
|-----|--------------|-------------------------|------------|---------------------------------|------------|-------------|------------------|--------------|----------------|
| 33  | 17050721     | Bùi Mai Thương          | 12/17/1999 | QH-2017-E QTKD-CLC (TT 23)      | 17,500,000 | -           | 17,500,000       | -            | 17,500,000     |
| 34  | 17050726     | Bùi Quỳnh Trang         | 06/26/1999 | QH-2017-E QTKD-CLC (TT 23)      | 17,500,000 | 4,050,000   | 13,450,000       | -            | 13,450,000     |
| 35  | 17050728     | Nguyễn Đỗ Ngọc Trinh    | 09/11/1999 | QH-2017-E QTKD-CLC (TT 23)      | 17,500,000 | -           | 17,500,000       | -            | 17,500,000     |
| 36  | 17050739     | Nguyễn Khánh Duy        | 01/24/1999 | QH-2017-E TCNH-CLC (TT 23)      | 17,500,000 | -           | 17,500,000       | -            | 17,500,000     |
| 37  | 17050744     | Nguyễn Thanh Hằng       | 10/07/1999 | QH-2017-E TCNH-CLC (TT 23)      | 17,500,000 | -           | 17,500,000       | -            | 17,500,000     |
| 38  | 17050746     | Phạm Đức Huy            | 08/08/1999 | QH-2017-E TCNH-CLC (TT 23)      | 17,500,000 | -           | 17,500,000       | -            | 17,500,000     |
| 39  | 17050749     | Nguyễn Khánh Linh       | 10/24/1999 | QH-2017-E TCNH-CLC (TT 23)      | 17,500,000 | -           | 17,500,000       | -            | 17,500,000     |
| 40  | 17050752     | Vương Thị Hương Ly      | 12/03/1999 | QH-2017-E TCNH-CLC (TT 23)      | 17,500,000 | -           | 17,500,000       | -            | 17,500,000     |
| 41  | 17050755     | Trần Nguyễn Thảo Nguyên | 10/17/1999 | QH-2017-E TCNH-CLC (TT 23)      | 17,500,000 | -           | 17,500,000       | -            | 17,500,000     |
| 42  | 17050756     | Trịnh Thị Thanh Phúc    | 02/23/1999 | QH-2017-E TCNH-CLC (TT 23)      | 17,500,000 | -           | 17,500,000       | -            | 17,500,000     |
| 43  | 18051000     | Nguyễn Thị Ngọc Anh     | 09/30/2000 | QH-2018-E KẾ TOÁN-CLC 1 (TT 23) | 17,500,000 | -           | 17,500,000       | -            | 17,500,000     |
| 44  | 18051104     | Bùi Mai Phương Thảo     | 10/04/2000 | QH-2018-E KẾ TOÁN-CLC 1 (TT 23) | 17,500,000 | -           | 17,500,000       | -            | 17,500,000     |
| 45  | 18051069     | Trần Diệu Linh          | 02/06/2000 | QH-2018-E KẾ TOÁN-CLC 2 (TT 23) | 17,500,000 | -           | 17,500,000       | -            | 17,500,000     |
| 46  | 18051088     | Đỗ Mai Phương           | 08/21/2000 | QH-2018-E KẾ TOÁN-CLC 2 (TT 23) | 17,500,000 | -           | 17,500,000       | -            | 17,500,000     |
| 47  | 18051109     | Nguyễn Thị Minh Thu     | 12/13/2000 | QH-2018-E KẾ TOÁN-CLC 2 (TT 23) | 17,500,000 | -           | 17,500,000       | -            | 17,500,000     |
| 48  | 18051022     | Ngô Bình Dương          | 09/24/2000 | QH-2018-E KẾ TOÁN-CLC 3 (TT 23) | 17,500,000 | -           | 17,500,000       | -            | 17,500,000     |
| 49  | 18051099     | Nguyễn Như Quỳnh        | 02/28/2000 | QH-2018-E KẾ TOÁN-CLC 3 (TT 23) | 17,500,000 | -           | 17,500,000       | -            | 17,500,000     |
| 50  | 18050555     | Nguyễn Thị Phương       | 03/07/2000 | QH-2018-E KTQT-CLC 1 (TT 23)    | 17,500,000 | -           | 17,500,000       | -            | 17,500,000     |
| 51  | 18050564     | Nguyễn Hải Quỳnh        | 05/08/2000 | QH-2018-E KTQT-CLC 1 (TT 23)    | 17,500,000 | -           | 17,500,000       | -            | 17,500,000     |
| 52  | 18050482     | Lưu Thị Huyền           | 01/17/2000 | QH-2018-E KTQT-CLC 2 (TT 23)    | 17,500,000 | -           | 17,500,000       | -            | 17,500,000     |
| 53  | 18050575     | Hoàng Phương Thảo       | 12/23/2000 | QH-2018-E KTQT-CLC 2 (TT 23)    | 17,500,000 | -           | 17,500,000       | -            | 17,500,000     |
| 54  | 18050579     | Lê Thị Thảo             | 07/15/2000 | QH-2018-E KTQT-CLC 2 (TT 23)    | 17,500,000 | -           | 17,500,000       | -            | 17,500,000     |
| 55  | 18050634     | La Hải Yến              | 06/29/2000 | QH-2018-E KTQT-CLC 2 (TT 23)    | 17,500,000 | -           | 17,500,000       | -            | 17,500,000     |
| 56  | 18050408     | Trần Thị Ngọc Ánh       | 11/17/2000 | QH-2018-E KTQT-CLC 3 (TT 23)    | 17,500,000 | -           | 17,500,000       | -            | 17,500,000     |
| 57  | 18050432     | Nguyễn Lê Dũng          | 02/14/2000 | QH-2018-E KTQT-CLC 3 (TT 23)    | 17,500,000 | -           | 17,500,000       | -            | 17,500,000     |
| 58  | 18050496     | Lê Khánh Linh           | 05/06/2000 | QH-2018-E KTQT-CLC 3 (TT 23)    | 17,500,000 | -           | 17,500,000       | -            | 17,500,000     |
| 59  | 18050537     | Lê Bảo Nguyên           | 06/02/2000 | QH-2018-E KTQT-CLC 3 (TT 23)    | 17,500,000 | -           | 17,500,000       | -            | 17,500,000     |
| 60  | 18050608     | Nguyễn Thị Quỳnh Trang  | 08/01/2000 | QH-2018-E KTQT-CLC 3 (TT 23)    | 17,500,000 | -           | 17,500,000       | -            | 17,500,000     |
| 61  | 18050491     | Vũ Phạm Đại Lâm         | 12/03/2000 | QH-2018-E KTQT-CLC 4 (TT 23)    | 17,500,000 | -           | 17,500,000       | -            | 17,500,000     |
| 62  | 18050628     | Trương Diễm Trang Vi    | 07/10/2000 | QH-2018-E KTQT-CLC 4 (TT 23)    | 17,500,000 | -           | 17,500,000       | -            | 17,500,000     |
| 63  | 18050458     | Dương Ngọc Hiếu         | 01/11/2000 | QH-2018-E KTQT-CLC 5 (TT 23)    | 17,500,000 | -           | 17,500,000       | -            | 17,500,000     |
| 64  | 18050612     | Phạm Huyền Trang        | 12/24/2000 | QH-2018-E KTQT-CLC 5 (TT 23)    | 17,500,000 | -           | 17,500,000       | -            | 17,500,000     |
| 65  | 18051133     | Phạm Hoàng Long         | 03/29/2000 | QH-2018-E KTQT-CLC 5 (TT 23)    | 17,500,000 | -           | 17,500,000       | -            | 17,500,000     |
| 66  | 18050434     | Thái Minh Dũng          | 09/20/2000 | QH-2018-E KTQT-CLC 6 (TT 23)    | 17,500,000 | -           | 17,500,000       | -            | 17,500,000     |
| 67  | 18050474     | Tạ Diễm Hương           | 04/04/2000 | QH-2018-E KTQT-CLC 6 (TT 23)    | 17,500,000 | -           | 17,500,000       | -            | 17,500,000     |
| 68  | 18050631     | Văn Ngọc Vinh           | 12/24/2000 | QH-2018-E KTQT-CLC 6 (TT 23)    | 17,500,000 | -           | 17,500,000       | -            | 17,500,000     |

| STT | Mã sinh viên | Họ tên                 | Ngày sinh  | Lớp                          | Học phí    | Miễn / giảm | Học phí phải nộp | Nộp tại BIDV | Học phí còn nợ |
|-----|--------------|------------------------|------------|------------------------------|------------|-------------|------------------|--------------|----------------|
| 69  | 18050675     | Đào Ngọc Ánh           | 04/12/2000 | QH-2018-E QTKD-CLC 1 (TT 23) | 17,500,000 | -           | 17,500,000       | -            | 17,500,000     |
| 70  | 18050773     | Phạm Đoàn Trà My       | 09/26/2000 | QH-2018-E QTKD-CLC 1 (TT 23) | 17,500,000 | -           | 17,500,000       | -            | 17,500,000     |
| 71  | 18050799     | Nguyễn Văn Phương      | 07/27/2000 | QH-2018-E QTKD-CLC 1 (TT 23) | 17,500,000 | -           | 17,500,000       | -            | 17,500,000     |
| 72  | 18050662     | Nguyễn Phương Anh      | 06/01/2000 | QH-2018-E QTKD-CLC 2 (TT 23) | 17,500,000 | -           | 17,500,000       | -            | 17,500,000     |
| 73  | 18050789     | Phùng Đỗ Tâm Như       | 09/03/2000 | QH-2018-E QTKD-CLC 2 (TT 23) | 17,500,000 | -           | 17,500,000       | -            | 17,500,000     |
| 74  | 18050804     | Nguyễn Thị Hương Quỳnh | 11/25/1999 | QH-2018-E QTKD-CLC 2 (TT 23) | 17,500,000 | -           | 17,500,000       | -            | 17,500,000     |
| 75  | 18050661     | Nguyễn Ngọc Anh        | 01/22/2000 | QH-2018-E QTKD-CLC 3 (TT 23) | 17,500,000 | -           | 17,500,000       | -            | 17,500,000     |
| 76  | 18050652     | Hà Quỳnh Anh           | 05/27/2000 | QH-2018-E QTKD-CLC 4 (TT 23) | 17,500,000 | -           | 17,500,000       | -            | 17,500,000     |
| 77  | 18050688     | Hoàng Khánh Đạt        | 09/28/2000 | QH-2018-E QTKD-CLC 4 (TT 23) | 17,500,000 | -           | 17,500,000       | -            | 17,500,000     |
| 78  | 18050718     | Trần Thu Hiền          | 06/14/2000 | QH-2018-E QTKD-CLC 4 (TT 23) | 17,500,000 | -           | 17,500,000       | -            | 17,500,000     |
| 79  | 18050737     | Nguyễn Tuấn Khang      | 09/21/2000 | QH-2018-E QTKD-CLC 4 (TT 23) | 17,500,000 | -           | 17,500,000       | -            | 17,500,000     |
| 80  | 18050755     | Hoàng Ngọc Long        | 07/28/2000 | QH-2018-E QTKD-CLC 4 (TT 23) | 17,500,000 | -           | 17,500,000       | -            | 17,500,000     |
| 81  | 18050756     | Phạm Kim Long          | 01/10/2000 | QH-2018-E QTKD-CLC 4 (TT 23) | 17,500,000 | -           | 17,500,000       | -            | 17,500,000     |
| 82  | 18050776     | Bùi Thị Bích Ngọc      | 03/06/2000 | QH-2018-E QTKD-CLC 4 (TT 23) | 17,500,000 | -           | 17,500,000       | -            | 17,500,000     |
| 83  | 18050809     | Nguyễn Trọng Tấn       | 09/08/2000 | QH-2018-E QTKD-CLC 4 (TT 23) | 17,500,000 | -           | 17,500,000       | -            | 17,500,000     |
| 84  | 18050817     | Nguyễn Thị Huyền Thu   | 10/06/2000 | QH-2018-E QTKD-CLC 4 (TT 23) | 17,500,000 | -           | 17,500,000       | -            | 17,500,000     |
| 85  | 18050820     | Nguyễn Anh Thư         | 10/29/2000 | QH-2018-E QTKD-CLC 4 (TT 23) | 17,500,000 | -           | 17,500,000       | -            | 17,500,000     |
| 86  | 18050849     | Cao Tuấn Minh          | 04/08/2000 | QH-2018-E QTKD-CLC 4 (TT 23) | 17,500,000 | -           | 17,500,000       | -            | 17,500,000     |
| 87  | 18050936     | Đinh Văn Nga           | 09/24/2000 | QH-2018-E TCNH-CLC 1 (TT 23) | 17,500,000 | -           | 17,500,000       | -            | 17,500,000     |
| 88  | 18050855     | Đỗ Hiền Anh            | 09/28/2000 | QH-2018-E TCNH-CLC 2 (TT 23) | 17,500,000 | -           | 17,500,000       | -            | 17,500,000     |
| 89  | 18050884     | Nguyễn Mạnh Dũng       | 11/22/2000 | QH-2018-E TCNH-CLC 2 (TT 23) | 17,500,000 | -           | 17,500,000       | -            | 17,500,000     |
| 90  | 18050889     | Nguyễn Thị Ngọc Duyên  | 10/09/2000 | QH-2018-E TCNH-CLC 2 (TT 23) | 17,500,000 | -           | 17,500,000       | -            | 17,500,000     |
| 91  | 18050945     | Tào Lê Yến Nhi         | 03/15/2000 | QH-2018-E TCNH-CLC 2 (TT 23) | 17,500,000 | -           | 17,500,000       | -            | 17,500,000     |
| 92  | 18050973     | Trần Thu Trang         | 07/02/2000 | QH-2018-E TCNH-CLC 2 (TT 23) | 17,500,000 | -           | 17,500,000       | -            | 17,500,000     |
| 93  | 18050862     | Phạm Ngọc Vân Anh      | 07/25/2000 | QH-2018-E TCNH-CLC 3 (TT 23) | 17,500,000 | -           | 17,500,000       | -            | 17,500,000     |
| 94  | 18050960     | Nguyễn Thị Phương Thảo | 12/25/2000 | QH-2018-E TCNH-CLC 3 (TT 23) | 17,500,000 | -           | 17,500,000       | -            | 17,500,000     |

Danh sách gồm 94 sinh viên